

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 520/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Đức H1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Mai Thị H là nguyên đơn, trình bày nội dung chị quen biết, phát sinh tình cảm và đi đến hôn nhân tự nguyện với anh Lê Đức H1. Chị và anh H1 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Lưu Kiếm vào ngày 01 tháng 12 năm 2012. Sau lễ cưới, chị về chung sống cùng với anh H1 tại thôn Dưới, xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh H1 mãi chơi, không lo làm ăn, kinh tế

gia đình gặp khó khăn. Chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn, cho anh H1 thời gian và cơ hội để sửa chữa sai lầm nhưng anh H1 vẫn không thay đổi. Đến tháng 6 năm 2019, anh H1 vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù, chị H về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân không có tương lai nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Đức H1. Chị H và anh H1 có hai con chung tên Lê Đức K sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012 và Lê Đức N sinh ngày 24 tháng 12 năm 2018. Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Chị và anh H1 tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh H1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản.

Anh Lê Đức H1 là bị đơn, có bản tự khai trình bày quan điểm thống nhất với lời khai của chị H về thời gian và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị H xin ly hôn, anh H1 cũng đồng ý ly hôn. Anh H1 đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung tên Lê Đức K sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012 và Lê Đức N sinh ngày 24 tháng 12 năm 2018. Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Lê Đức H1; đề nghị giao cháu Lê Đức K và Lê Đức N cho chị Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Bị đơn là anh Lê Đức H1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của chị Mai Thị H ly hôn với anh Lê Đức H1

Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, kết hôn giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Tài liệu xác minh thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H1 mãi chơi, mắc tệ nạn xã hội và có hành vi vi phạm pháp luật dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xích mích, xung đột. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Chị H xin ly hôn, anh H1 đồng ý ly hôn, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H xin ly hôn anh H1.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị H và anh H1 có 02 con chung tên Lê Đức K sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012 và Lê Đức N sinh ngày 24 tháng 12 năm 2018. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi các con. Tuy nhiên để giao con chung cho ai nuôi thì cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, các con được chị H chăm sóc và phát triển bình thường về tâm, sinh lý. Chị H là công nhân có thu nhập ổn định, con chung có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Anh H1 đang phải chấp hành án phạt tù, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của các con, điều kiện, hoàn cảnh của chị H, của anh H1, Hội đồng xét xử xét giao cho chị Mai Thị H trực tiếp nuôi các con tên Lê Đức K và Lê Đức N là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị H và anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đề nghị của các đương sự là tự nguyện, quyền lợi của các con vẫn được đảm bảo, anh H1 chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc anh H1 phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, Chị Mai Thị H và anh Lê Đức H1 thống nhất lời khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí, chị Mai Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Cho chị Mai Thị H được ly hôn với anh Lê Đức H1.

- Giao cho chị Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Lê Đức K sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012 và Lê Đức N sinh ngày 24 tháng 12 năm 2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Chị Mai Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0002148 ngày 20/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Mai Thị H đã nộp đủ án phí.

- Chị Mai Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Đức H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Lưu Kiếm, H. Thủy Nguyên;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân

